



xià rèn

下任

noun • next term of office; successor

Example Sentences

xià rèn zǒng tǒng jiāng zài míng nián yī yuè jiù zhí
下任总统将在明年一月就职。

The next president will take office in January next year.

Gōng sī zhèng zài xún zhǎo xià rèn shǒu xí zhí xíng guān
公司正在寻找下任首席执行官。

The company is looking for the next CEO.

Trace each character, then write the word on your own.

下 下 下 下 下 下

任 任 任 任 任 任 任 任 任